

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 21/7/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Dũng, ông Trần Văn Thức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *khu vực 5*, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 315/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Công ty cổ phần M (trụ sở: Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, Thành phố Hà Nội);

Ngân hàng TMCP V (trụ sở: Tòa VPBank Tower, số H L, phường L, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 (địa chỉ: Tầng D, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Trần Ứng C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số A, tổ E, ấp T, xã C, tỉnh Đồng Nai.

(Bên nguyên đơn có mặt, đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đơn khởi kiện và ý kiến của bên nguyên đơn như sau:*

Theo hợp đồng vay giữa nguyên đơn (V) với bị đơn thì bị đơn đã có mối quan hệ tín dụng với nguyên đơn, cụ thể theo hợp đồng cho vay ngày 09/11/2022, số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng theo văn bản đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn cùng đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ trong năm 2022.

Nguyên đơn cho vay tiền đồng ý nhận thế chấp tài sản của bị đơn là thửa đất số 614, tờ bản đồ số 47, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai), có công chứng đã đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 30/05/2024, nguyên đơn (V) bán và Công ty cổ phần M (Công ty M) đã mua một phần tiền vay (khoản nợ) phát sinh theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay giữa nguyên đơn (V) với bị đơn, như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay ngày 09/11/2022; toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ.

Theo pháp luật Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn (V) phát sinh theo hợp đồng và các biện pháp bảo đảm kèm theo, có quyền khởi kiện tại Tòa án. Bên nguyên đơn (V) tiếp tục là chủ nợ (bên cho vay) và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần tiền vay còn lại mà bị đơn chưa trả.

Bên nguyên đơn (Ngân hàng V và Công ty M) đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán (trả) tiền vay nhưng đã không thực hiện, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền vay kể từ ngày 15/11/2023 nên tính theo mức lãi suất quá hạn tiền vay gốc.

Đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn (Công ty M và Ngân hàng V) tổng số tiền vay gốc và tiền lãi là **2.609.900.966 đồng (tiền nợ gốc là 1.877.744.313 đồng)**.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn phải trả tiền vay này cùng tiền lãi phát sinh quá hạn đối với nguyên đơn và nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý, giải quyết tài sản thế chấp.

** Ý kiến của bị đơn:* Đồng ý nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của bên nguyên đơn nhưng không có tiền để trả ngay.

** Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên tòa.

- Giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, tiền lãi như trên, có chứng cứ đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả tiền vay gốc và tiền lãi đối với nguyên đơn là **2.609.900.966 đồng**;

Bị đơn phải chịu án phí theo pháp luật.

** Về chứng cứ vụ án:* Tòa án đã công khai toàn bộ chứng cứ có trong hồ vụ án và thông báo về tài liệu, chứng cứ của vụ án đã tổng đạt đến đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín

dụng đối với bị đơn (có nơi cư trú tại **xã C, tỉnh Đồng Nai**) thì quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đương sự vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo **khoản 2 Điều 227, 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 **Điều 91** của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ đã được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Ý kiến của bị đơn đồng ý nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng chưa có tiền để trả nguyên đơn ngay là tình tiết được đương sự thừa nhận không phải chứng minh theo **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng vay tài sản, hai bên đã thực hiện theo nội dung hợp đồng, bị đơn đã nhận tiền vay theo hợp đồng nhưng không trả đầy đủ tiền vay và đã không trả tiếp nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả **tiền vay nợ gốc 1.877.744.313 đồng** và tiền lãi **quá hạn** đến nay là hợp pháp.

Theo chứng cứ vụ án: Bị đơn nhận tiền vay của nguyên đơn nhưng bị đơn trả tiền vay gốc và tiền lãi không đầy đủ theo hợp đồng. Đến nay bị đơn không trả đủ tiền vay của nguyên đơn là vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền vay, đã xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 16 Điều 4, Điều 91 (về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng), khoản 1 khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi hợp đồng tín dụng, tranh chấp kinh doanh thương mại.

Căn cứ các tài liệu vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả tiền vay đối với nguyên đơn về tiền vay nợ gốc, tiền lãi, tổng cộng là **2.609.900.966 đồng** được làm tròn là **2.609.901.000 đồng** (có tiền gốc là **1.877.744.313 đồng** được làm tròn là **1.877.744.000 đồng**).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong tiền vay gốc.

Bị đơn đã thế chấp tài sản như trên. Xét hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật để các đương sự thực hiện hợp đồng. Trường hợp bị đơn không thi hành theo Bản án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành Bản án và giải quyết tài sản thế chấp theo pháp luật.

[3] Về án phí:

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **84.198.000 đồng** theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thì được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để xử lý tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (nguyên đơn đã thanh toán chi phí này).

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải trả lại nguyên đơn số tiền này.

[5] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 470, 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là ông **Trần Ứng C** phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là **2.609.901.000 đồng** (hai tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) đối với nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày thanh toán xong tiền vay nợ gốc.

2. Trường hợp bị đơn không thi hành theo Bản án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành Bản án và giải quyết tài sản thế chấp theo pháp luật đối với tài sản thế chấp: Thửa đất số 614, tờ bản đồ số 47, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai) (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh D).

3. Bị đơn phải chịu **84.198.000đ** (tám mươi bốn triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.321.000đ (ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí các số **0012794, 0012795 cùng ngày 19/12/2024** của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

4. Bị đơn phải trả lại nguyên đơn 2.000.000đ (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tài sản.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày **tuyên án; bị đơn** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cq THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, cơ quan (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính